

MỤC LỤC

Trang

1. Mục lục

2. Báo cáo tài chính tổng hợp

3. Báo cáo tài chính chi tiết

4. Bảng cân đối kế toán

5. Bảng lưu chuyển vốn

6. Bảng phân bổ chi phí

7. Bảng phân bổ thu nhập

8. Bảng phân bổ thuế

9. Bảng phân bổ lãi

10. Bảng phân bổ lỗ

11. Bảng phân bổ chi phí

12. Bảng phân bổ thu nhập

13. Bảng phân bổ thuế

14. Bảng phân bổ lãi

15. Bảng phân bổ lỗ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2011	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm 2011	12 - 13
7. Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	14
8. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2011	15 - 33
9. Phụ lục 01: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh	34 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015124 ngày 19 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty tiến hành các hoạt động kinh doanh chứng khoán theo Giấy phép hoạt động kinh doanh số 31/UBCK-GPHĐKD ngày 21 tháng 12 năm 2006 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có các quyết định điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty như sau:

Quyết định số 179/UBCK-GP ngày 24 tháng 12 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 60.000.000.000 đồng lên 75.736.670.000 đồng.

Quyết định số 186/UBCK-GP ngày 02 tháng 02 năm 2009 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Quyết định số 199/UBCK-GP ngày 06 tháng 03 năm 2009 về việc rút bớt nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán và tự doanh chứng khoán.

Vốn điều lệ:

75.736.670.000 VND.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, Số 1, phố Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Điện thoại : 043 5 771 732

Fax : 043 5 771 740

Website : www.csc.vn

Mã số thuế : 0102116483

Đơn vị trực thuộc:

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Địa chỉ : Phòng 3-1, tầng 3 toàn nhà Gilimex, số 24C Phan Đăng Lưu, phường 6, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 083 5 515 486

Fax : 083 5 515 487

Nghành nghề kinh doanh của Công ty là: Môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Trong năm, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô đã ra quyết định số 32/2011/QĐ-CSC ngày 15 tháng 06 năm 2011 về việc đóng cửa chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 36).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập Báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Dương Chí Dũng	Chủ tịch	13 tháng 01 năm 2007	
Ông Trương Quốc Hùng	Phó Chủ tịch	19 tháng 08 năm 2009	
Ông Vũ Hồng Nam	Thành viên	27 tháng 01 năm 2010	
Bà Tạ Thị Tú Trinh	Thành viên	13 tháng 01 năm 2007	

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Lê Anh Sơn	Trưởng ban	13 tháng 01 năm 2007	
Ông Trịnh Quốc Hiền	Thành viên	13 tháng 01 năm 2007	
Bà Trần Thị Hồng Ngát	Thành viên	13 tháng 01 năm 2007	

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Trương Quốc Hùng	Tổng Giám đốc	02 tháng 02 năm 2009	
Bà Ngô Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 09 năm 2007	
Bà Vương Thị Thanh Đan	Phó Tổng Giám đốc	19 tháng 12 năm 2006	15 tháng 06 năm 2011

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Chế độ kế toán của Công ty Chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT - BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Chế độ kế toán của Công ty Chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT - BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc



Trương Quốc Hùng

Ngày 28 tháng 2 năm 2012



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 42/2012/BCTC-KTTV-KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP NĂM 2011 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

**Kính gửi: CỎ ĐÔNG, HỘI ĐÔNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2011 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 28 tháng 02 năm 2012, từ trang 07 đến trang 36 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty năm 2010 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 21 tháng 03 năm 2011 có dạng ý kiến ngoại trừ liên quan đến việc "Công ty chưa trích lập dự phòng cho các chứng khoán chưa niêm yết có giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 thấp hơn giá trị ghi sổ do Ban Giám đốc Công ty chưa có căn cứ chính thức để xác định giá thị trường của các chứng khoán chưa niêm yết này. Vì vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến về việc trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết và ảnh hưởng đến các khoản mục có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010".

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính tổng hợp không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính tổng hợp; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Các vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của Kiểm toán viên

Công ty chưa trích lập dự phòng cho các chứng khoán chưa niêm yết có giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 thấp hơn giá trị ghi sổ do Ban Giám đốc Công ty chưa có căn cứ chính thức để xác định giá thị trường của các chứng khoán này. Vì vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến về việc trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết và ảnh hưởng đến các khoản mục có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của nó tới các chỉ tiêu liên quan, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Giám đốc



Nguyễn Hoàng Đức

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0368/KTV

Kiểm toán viên

Hoàng Thị Việt

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0374/KTV

Hà Nội, ngày 28 tháng 2 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		17.302.208.870	51.948.217.374
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	16.520.898.654	50.265.393.055
1. Tiền	111		6.038.898.654	30.917.393.055
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.482.000.000	19.348.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		192.605.087	734.077.783
1. Phải thu của khách hàng	131	V.2	6.464.374.405	187.108.636
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	73.250.000	158.433.353
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	V.4	610.000	355.870.000
5. Các khoản phải thu khác	138	V.5	115.698.100	32.665.794
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(6.461.327.418)	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		588.705.129	948.746.536
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	318.036.881
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	588.705.129	630.709.655

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Mẫu số B01-CTCK

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

Ban hành theo thông tư số 95/2008/TT-BTC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)		200		27.382.991.397	31.493.327.600
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc		212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ		213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác		218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-
II. Tài sản cố định		220		5.953.633.337	7.644.931.475
1. Tài sản cố định hữu hình		221	V.8	2.800.500.267	4.341.930.397
<i>Nguyên giá</i>		222		6.892.064.741	7.571.980.122
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		223		(4.091.564.474)	(3.230.049.725)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224		-	-
<i>Nguyên giá</i>		225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình		227	V.8	3.008.933.096	2.958.801.104
<i>Nguyên giá</i>		228		4.773.332.350	3.962.187.550
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		229		(1.764.399.254)	(1.003.386.446)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		230	V.9	144.199.974	344.199.974
III. Bất động sản đầu tư		240		-	-
<i>Nguyên giá</i>		241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		250		19.357.172.080	20.490.586.947
1. Đầu tư vào công ty con		251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		252		-	-
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn		253	V.10	38.260.930.096	39.916.694.496
<i>- Chứng khoán sẵn sàng để bán</i>		254		38.260.930.096	39.916.694.496
<i>- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>		255		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác		258		-	-
5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		259	V.11	(18.903.758.016)	(19.426.107.549)
V. Tài sản dài hạn khác		260		2.072.185.980	3.357.809.178
1. Chi phí trả trước dài hạn		261	V.12	363.751.056	1.891.337.166
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		262		-	-
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		263	V.13	1.450.434.924	1.010.114.952
4. Tài sản dài hạn khác		268	V.14	258.000.000	456.357.060
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)		270		44.685.200.267	83.441.544.974

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Mẫu số B01-CTCK

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

Ban hành theo thông tư số 95/2008/TT-BTC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)		300		10.852.715.490	35.091.849.976
I. Nợ ngắn hạn		310		10.849.652.210	35.072.410.696
1. Vay và nợ ngắn hạn		311		-	-
2. Phải trả người bán		312	V.15	1.329.837.067	764.994.796
3. Người mua trả tiền trước		313	V.16	294.000.000	469.709.374
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.17	1.725.880.086	1.996.205.670
5. Phải trả người lao động		315		253.178.120	361.104.458
6. Chi phí phải trả		316	V.18	289.122.000	348.841.661
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	V.19	1.109.841.352	1.087.828.044
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		320	V.20	5.847.793.585	30.043.719.693
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		321		-	7.000
11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		322		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323		-	-
13. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ		327		-	-
14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		328		-	-
15. Dự phòng phải trả ngắn hạn		329		-	-
II. Nợ dài hạn		330		3.063.280	19.439.280
1. Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn		334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336	V.21	3.063.280	19.439.280
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		339		-	-
10. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư		359		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)		400		33.832.484.777	48.349.694.998
I. Vốn chủ sở hữu		410	V.22	33.832.484.777	48.349.694.998
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411		75.736.670.000	75.736.670.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ		414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420		(41.904.185.223)	(27.386.975.002)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)		440		44.685.200.267	83.441.544.974

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Mẫu số B01-CTCK

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

Ban hành theo thông tư số 95/2008/TT-BTC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	LVIII số	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001	-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004	-	-
5. Ngoại tệ các loại	005	-	-
6. Chứng khoán lưu ký	006	922.398.510.000	980.323.710.000
Trong đó:			
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	587.902.330.000	626.737.330.000
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	330.907.310.000	341.220.560.000
6.3 Chứng khoán cầm cố	017	-	-
6.4 Chứng khoán tạm giữ	022	-	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027	3.110.200.000	10.707.600.000
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032	-	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037	478.670.000	1.658.220.000
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042	-	-
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047	-	-
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	-	-
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	-	-
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	-	-
10. Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	084	-	-

Kế toán trưởng

Dương Thu Hương

Lập ngày 28 tháng 02 năm 2012

Tổng Giám đốc**Trương Quốc Hùng**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

/Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	01		6.826.616.404	16.951.168.757
Trong đó:				-
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		2.125.477.169	9.310.643.781
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		438.697.428	1.065.109.839
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		253.181.818	244.454.545
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		432.139.819	282.739.649
Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu giá	01.7		-	-
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
Doanh thu khác	01.9	VI.1	3.577.120.170	6.048.220.943
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10-01-02)	10		6.826.616.404	16.951.168.757
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.2	9.572.695.094	13.217.021.371
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20-10-11)	20		(2.746.078.690)	3.734.147.386
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.3	11.480.255.235	5.823.799.196
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30-20-25)	30		(14.226.333.925)	(2.089.651.810)
8. Thu nhập khác	31	VI.4	193.187.317	53.430.680
9. Chi phí khác	32	VI.5	484.063.613	253.185.073
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(290.876.296)	(199.754.393)
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(14.517.210.221)	(2.289.406.203)
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(14.517.210.221)	(2.289.406.203)
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	(1.917)	(302)

Kế toán trưởng



Dương Thu Hương

Lập ngày 28 tháng 02 năm 2012

Tổng Giám đốc



Trương Quốc Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Mẫu số B03 - CTCK

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

Ban hành theo T.Tư số 95/2008/TT-BTC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(14.517.210.221)	(2.289.406.203)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		1.849.912.610	1.743.796.297
- Các khoản dự phòng	03		7.802.649.373	2.448.803.881
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.105.306.481)	(2.569.931.764)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(7.969.954.719)	(666.737.789)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.118.400.694)	(356.398.875)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	298.830.325
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(24.139.186.772)	(10.813.767.395)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.845.622.991	160.970.521
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(101.360.128)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	221.451.975
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	(470.390.060)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(36.483.279.322)	(11.626.041.298)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(434.659.562)	(2.256.988.388)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		187.187.317	50.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(477.080.000)	(414.512.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		286.000.000	357.061.560
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.177.337.166	2.773.116.837
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.738.784.921	508.678.009

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Mẫu số 003 - CTCK

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

Ban hành theo T.Tư số 95/2008/TT-BTC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(33.744.494.401)	(11.117.363.289)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	50.265.393.055	61.382.756.344
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	16.520.898.654	50.265.393.055

Kế toán trưởng

Dương Thu Hương

Lập ngày 28 tháng 02 năm 2012

Tổng Giám đốc**Trương Quốc Hùng**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỎ

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội
Điện thoại: 0435.771.732 Fax: 0435.771.740

Mẫu số B05 - CTCK
Ban hành theo T.T. số 162/2010/TT-BTC
ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU NĂM 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm				Số dư cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	V.22	75.736.670.000	75.736.670.000	-	-	-	-	75.736.670.000	75.736.670.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-	-	-	-	-
3. Vốn khác của Chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ		-	-	-	-	-	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		-	-	-	-	-	-	-	-
9. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	V.22	(24.825.535.799)	(27.386.975.002)	-	(2.561.439.203)	-	(14.517.210.221)	(27.386.975.002)	(41.904.185.223)
Chia có tức bằng cổ phiếu để tăng vốn		-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối quỹ		-	-	-	(272.033.000)	-	-	-	-
giảm khác		-	-	-	(2.289.406.203)	-	(14.517.210.221)	-	-
Lợi nhuận trong năm		50.911.134.201	48.349.694.998	-	(2.561.439.203)	-	(14.517.210.221)	48.349.694.998	33.832.484.777
Cộng				-		-			

Kế toán trưởng

Huong

Dương Thu Hương

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2012



Trương Quốc Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Kinh doanh Chứng khoán
3. **Hoạt động chính trong năm** : Môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.
4. **Nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có 24 nhân viên đang làm việc tại Công ty (số cuối năm trước là 53 nhân viên).

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô đã ra quyết định số 32/2011/QĐ-CSC ngày 15 tháng 06 năm 2011 về việc đóng cửa chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Chế độ kế toán của Công ty Chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT - BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Chế độ kế toán của Công ty Chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT - BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 sửa đổi,

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Nguyên tắc đánh giá tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	03 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Dụng cụ quản lý	03 – 07
Phần mềm quản lý	03 – 10

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Phần mềm máy tính

Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 - 08 năm.

Chi phí thiết kế trang web

Chi phí thiết kế trang web bao gồm tất cả các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thiết lập trang web. Chi phí này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 - 08 năm.

5. Đầu tư tài chính

Thông tư số 95/2008/TT-BTC cho phép các Công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc và giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Giá vốn chứng khoán bán ra được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên thì không trích lập dự phòng.

Đầu tư tài chính khác

Các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

6. Chi phí trả trước

Công cụ dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 12 tháng trở lên.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa là các khoản chi phí Công ty bỏ ra để sửa chữa văn phòng làm việc. Các chi phí này được doanh nghiệp phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng.

7. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

8. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

9. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Được xác định dựa trên mức chênh lệch giữa giá bán (khi nhận được Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và giá vốn bình quân của chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng không ghi nhận vào thù nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

11. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chỉ phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

12. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

13. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

14. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	517.485.262	535.934.307
Tiền gửi ngân hàng	139.775.873	219.223.582
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	5.381.637.519	30.162.235.166
Các khoản tương đương tiền	10.482.000.000	19.348.000.000
Cộng	16.520.898.654	50.265.393.055

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đặng Viết Dũng	2.377.096.392	-
Nguyễn Văn Tuấn	1.078.726.676	-
Lý Hữu Khải	812.630.347	-
Phạm Duy Khánh	434.443.808	-
Nguyễn Thị Thanh Hiền	377.970.124	-
Nguyễn Thị Thanh Hằng	344.349.477	-
Phạm Thị Kim Thu	187.317.373	-
Phạm Bảo Dương	175.085.259	-
Bùi Minh Sơn	165.477.467	-
Nguyễn Chí Phương	131.019.021	-
Hoàng Việt Hùng	126.825.763	-
Đối tượng khác	253.432.698	187.108.636
Cộng	6.464.374.405	187.108.636

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư và công nghệ AG	-	54.500.000
Công ty CP Đầu tư & phát triển công nghệ Thống Nhất	45.000.000	45.000.000
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính	20.000.000	20.000.000
Đối tượng khác	8.250.000	38.933.353
Cộng	73.250.000	158.433.353

4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán

Là khoản phải thu về hoạt động tự doanh chứng khoán.

5. Phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vũ Quốc Khánh	115.698.100	-
Phải thu tiền bảo hiểm CBCNV	-	32.665.794
Cộng	115.698.100	32.665.794

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Năm nay
Số đầu năm	-
Trích lập dự phòng bổ sung	6.461.327.418
Số sử dụng trong năm	-
Số cuối năm	6.461.327.418

7. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	586.705.129	628.709.655
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.000.000	2.000.000
Cộng	588.705.129	630.709.655

8. Tài sản cố định

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng TSCĐ hữu hình	TSCĐ vô hình
Nguyên giá					
Số đầu năm	6.929.887.722	421.560.700	220.531.700	7.571.980.122	3.962.187.550
Tăng trong năm	25.659.562	-	-	25.659.562	811.144.800
Mua sắm mới	-	-	-	-	609.000.000
Tăng do phân loại tài sản	-	-	-	-	202.144.800
Giảm trong năm	(590.244.043)	(17.022.500)	(98.308.400)	(705.574.943)	-
Do thanh lý, nhượng bán	(388.099.243)	(17.022.500)	(98.308.400)	(503.430.143)	-
Giảm do phân loại tài sản	(202.144.800)	-	-	(202.144.800)	-
Số cuối năm	6.365.303.241	404.538.200	122.223.300	6.892.064.741	4.773.332.350
Trong đó					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	96.843.815	-	-	96.843.815	214.384.900
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	3.029.746.867	138.037.468	62.265.390	3.230.049.725	1.003.386.446
Tăng trong năm	1.131.650.030	41.872.368	36.664.284	1.210.186.682	761.012.808
Khấu hao trong năm	1.131.650.030	41.872.368	36.664.284	1.210.186.682	639.725.928
Tăng do phân loại tài sản	-	-	-	-	121.286.880
Giảm trong năm	(308.419.607)	(11.352.236)	(28.900.090)	(348.671.933)	-
Giảm do thanh lý, nhượng bán	(187.132.727)	(11.352.236)	(28.900.090)	(227.385.053)	-
Giảm do phân loại tài sản	(121.286.880)	-	-	(121.286.880)	-
Số cuối năm	3.852.977.290	168.557.600	70.029.584	4.091.564.474	1.764.399.254
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	3.900.140.855	283.523.232	158.266.310	4.341.930.397	2.958.801.104
Số cuối năm	2.512.325.951	235.980.600	52.193.716	2.800.500.267	3.008.933.096

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển tăng TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Phần mềm giao dịch	200.000.000	-	200.000.000	-
Chi phí về xây dựng hệ thống Website và trading online	144.199.974	-	-	144.199.974
Số cuối năm	344.199.974	-	200.000.000	144.199.974

10. Đầu tư chứng khoán dài hạn dài hạn*Tình hình tăng, giảm và hiện có về đầu tư chứng khoán:*

	Năm nay
Số đầu năm	39.916.694.496
Tăng trong năm	477.080.000
Giảm trong năm	2.132.844.400
Cộng	38.260.930.096

Tình hình nắm giữ chứng khoán:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu dài hạn	38.260.930.096	39.916.694.496
Cổ phiếu niêm yết	25.021.202.096	26.676.966.496
Cổ phiếu chưa niêm yết	13.239.728.000	13.239.728.000
Đầu tư dài hạn khác	-	-
Cộng	38.260.930.096	39.916.694.496

11. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Cổ phiếu	Đã niêm yết	Chưa niêm yết	Cộng
Giá trị theo sổ kế toán	25.021.202.096	13.239.728.000	38.260.930.096
Giá trị theo thị trường	6.117.444.080	13.239.728.000	19.357.172.080
Số phải trích lập dự phòng tại 31/12/2011	18.903.758.016	-	18.903.758.016
Số đã trích tại 31/12/2010	19.426.107.549	-	19.426.107.549
Giám đo bán chứng khoán	(1.863.671.488)	-	(1.863.671.488)
Số trích lập năm nay	1.341.321.955	-	1.341.321.955

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
 Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp

Tình hình đầu tư chứng khoán như sau:

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
Chứng khoán sẵn sàng để bán								
+ <i>Cổ phiếu niêm yết</i>	343.340	301.170	25.021.202.096	26.676.966.496	(18.903.758.016)	(19.426.107.549)	6.117.444.080	7.250.858.947
Ngân hàng TMCP Á Châu	213.164	177.637	13.299.578.786	12.944.308.786	(8.695.236.386)	(8.396.801.586)	4.604.342.400	4.547.507.200
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	37.658	32.800	7.171.476.100	9.196.080.500	(6.350.531.700)	(8.130.080.500)	820.944.400	1.066.000.000
Công ty CP Vận tải Vinaship	35.000	35.000	1.936.500.000	1.936.500.000	(1.807.000.000)	(1.408.000.000)	129.500.000	528.500.000
Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn	10.000	10.000	797.594.784	797.594.784	(660.594.784)	(477.594.784)	137.000.000	320.000.000
Công ty CP Chứng khoán Hải Phòng	9.399	9.399	363.006.050	363.006.050	(332.929.250)	(269.016.050)	30.076.800	93.990.000
Các mã chứng khoán khác	38.119	36.334	1.453.046.376	1.439.476.376	(1.057.465.896)	(744.614.629)	395.580.480	694.861.747
+ <i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	304.806	298.354	13.239.728.000	13.239.728.000	-	-	13.239.728.000	13.239.728.000
Công ty CP Bưu chính Viễn thông Sài Gòn	43.153	43.153	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải	87.104	80.652	4.770.098.000	4.770.098.000	-	-	4.770.098.000	4.770.098.000
Ngân hàng Đại Dương	144.000	144.000	2.476.300.000	2.476.300.000	-	-	2.476.300.000	2.476.300.000
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	30.549	30.549	993.330.000	993.330.000	-	-	993.330.000	993.330.000
Tổng cộng	648.146	599.524	38.260.930.096	39.916.694.496	(18.903.758.016)	(19.426.107.549)	19.357.172.080	20.490.586.947

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp**12. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Chi phí CCDC, đồ dùng văn phòng	556.296.062	58.088.179	317.876.457	208.018.523	88.489.261
Chi phí sửa chữa văn phòng	811.419.539	-	694.363.501	-	117.056.038
Chi phí bản quyền cho người sử dụng	200.393.952	-	42.188.195	-	158.205.757
Chi phí trước hoạt động	323.227.613	-	323.227.613	-	-
Số cuối năm	1.891.337.166	58.088.179	1.377.655.766	208.018.523	363.751.056

13. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	Năm nay	Năm trước
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	-
Tiền nộp bổ sung hàng năm	1.322.402.286	1.002.082.314
Tiền lãi phân bổ hàng năm	8.032.638	8.032.638
Số cuối năm	1.450.434.924	1.010.114.952

14. Tài sản dài hạn khác

Là khoản đặt cọc tiền thuê nhà của Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam.

15. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP giải pháp phần mềm tài chính	-	413.929.600
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	1.162.276.381	167.739.000
CN TT thông tin và thẩm định giá MN tại HN	60.000.000	60.000.000
Công ty CP Truyền thông Thời Đại	30.675.000	30.675.000
Các đối tượng khác	76.885.686	92.651.196
Cộng	1.329.837.067	764.994.796

16. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty 15	174.000.000	174.000.000
Công ty Mỹ Thuật Trung ương	60.000.000	60.000.000
Công ty CP Đầu tư cảng Cái Lân	20.000.000	-
Công ty XNK vật tư thiết bị ngành in	-	20.000.000
Hãng phim tài liệu & khoa học trung ương	20.000.000	20.000.000
Đối tượng khác	20.000.000	195.709.374
Cộng	294.000.000	469.709.374

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.359.040	27.038.919	28.397.959	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.799.427.543	-	101.360.128	1.698.067.415
Thuế thu nhập cá nhân	195.419.087	582.099.131	749.705.547	27.812.671
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	1.996.205.670	612.138.050	882.463.634	1.725.880.086

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Các hoạt động môi giới chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn đầu tư chứng khoán không thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng. Các hoạt động khác chịu thuế giá trị gia tăng với mức thuế suất thuế là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(14.517.210.221)	(2.289.406.203)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(421.870.340)	(1.057.409.839)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm (có tức lợi nhuận được chia)	(421.870.340)	(1.057.409.839)
Thu nhập chịu thuế	(14.939.080.561)	(3.346.816.042)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	-	-
Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	-	-

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

18. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí môi giới	235.000.000	160.000.000
Phí giao dịch, phí khác	22.000.000	140.441.661
Trích trước tiền điện, nước, điện thoại	32.122.000	48.400.000
Cộng	289.122.000	348.841.661

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**19. Phải trả, phải nộp khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	108.447.853	79.929.818
Bảo hiểm xã hội	3.842.991	12.915.007
Bảo hiểm y tế	3.788.272	3.375.220
Bảo hiểm thất nghiệp	475.885	392.660
Phải trả Công ty Cổ phần Cảng Cái Lân	241.239.500	285.489.500
Phải trả Công ty Hoàng Nam	334.518.027	334.518.027
Phải trả CTCP Mây Tre Lá Việt Nam	208.216.483	-
Các khoản phải trả khác	209.312.341	371.207.812
Cộng	1.109.841.352	1.087.828.044

20. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả TTGDCK	7.859.270	-
Phải trả trung tâm lưu ký chứng khoán	50.045.690	-
Phải trả tổ chức cá nhân khác	5.789.888.625	30.043.719.693
Cộng	5.847.793.585	30.043.719.693

21. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	19.439.280	-
Số trích lập bổ sung	-	19.439.280
Số đã chi	(16.376.000)	-
Số cuối năm	3.063.280	19.439.280

22. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	75.736.670.000	(24.825.535.799)	50.911.134.201
Cổ đông góp vốn	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	(2.289.406.203)	(2.289.406.203)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(272.033.000)	(272.033.000)
Số dư cuối năm trước	75.736.670.000	(27.386.975.002)	48.349.694.998
Số dư đầu năm nay	75.736.670.000	(27.386.975.002)	48.349.694.998
Tăng vốn trong năm	-	-	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	(14.517.210.221)	(14.517.210.221)
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-
Số dư cuối năm nay	75.736.670.000	(41.904.185.223)	33.832.484.777

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.573.667	7.573.667
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	7.573.667	7.573.667
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	7.573.667	7.573.667
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu khác**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	7.254.827	12.570.893
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.755.466.826	1.715.706.998
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.408.560	26.171.775
Doanh thu khác	811.989.957	4.293.771.277
Cộng	3.577.120.170	6.048.220.943

2. Chi phí hoạt động kinh doanh

	Năm nay	Năm trước
Chi phí môi giới chứng khoán	405.085.514	2.006.425.459
Chi phí hoạt động tự doanh chứng khoán	-	2.459.275.441
Chi phí lưu ký chứng khoán	586.911.655	478.533.251
Chi phí dự phòng	1.341.321.955	-
Chi phí nhân viên trực tiếp	1.594.793.420	2.594.947.635
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.468.136.727	1.553.988.254
Chi phí vật tư, đồ dùng	189.388.773	312.862.580
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.796.464.342	3.628.230.031
Chi phí khác	190.592.708	182.758.720
Cộng	9.572.695.094	13.217.021.371

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	2.354.895.414	3.052.236.047
Chi phí vật liệu	30.532.179	28.698.422
Chi phí công cụ dụng cụ	84.290.087	98.909.994
Chi phí khấu hao TSCĐ	381.775.883	189.808.043
Thuế, phí, lệ phí	9.825.597	14.427.830
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	6.461.327.418	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.149.689.564	2.308.272.168
Chi phí bằng tiền khác	7.919.093	131.446.692
Cộng	11.480.255.235	5.823.799.196

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ	187.187.317	50.000.000
Thu nhập khác	6.000.000	3.430.680
Cộng	193.187.317	53.430.680

5. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	276.045.090	253.185.073
Giá trị còn lại CCDC thanh lý	208.018.523	-
Cộng	484.063.613	253.185.073

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(14.517.210.221)	(2.289.406.203)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(14.517.210.221)	(2.289.406.203)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.573.667	7.573.667
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.917)	(302)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	7.573.667	7.573.667
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.573.667	7.573.667

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Áp dụng quy định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VII.4 đến VII.7 dưới đây.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Cổ đồng sáng lập

Trong năm Công ty phát sinh nghiệp vụ với Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam như sau:

	Năm nay	Năm trước
Phải trả tiền thuê văn phòng	2.155.867.758	1.831.629.733
Phải trả tiền điện	267.456.373	282.469.491
Thanh toán tiền cho TCT Hàng Hải Việt Nam	(1.428.786.750)	(2.129.051.884)
Phải thu phí lưu ký chứng khoán	432.139.819	247.119.088
Phí lưu ký đã thu	(358.544.297)	(247.119.088)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam như sau:

Công nợ

Phải thu phí lưu ký	73.595.522	-
Công nợ phải thu	73.595.522	-
Phải trả tiền thuê văn phòng, tiền điện	1.162.276.381	167.739.000
Công nợ phải trả	1.162.276.381	167.739.000

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- Lĩnh vực môi giới: Là các hoạt động về môi giới mua bán chứng khoán cho nhà đầu tư
- Lĩnh vực tư vấn: Là các hoạt động tư vấn mua bán chứng khoán, tư vấn tài chính khác.
- Lĩnh vực kinh doanh vốn: Chủ yếu là thu lãi từ việc cho nhà đầu tư ứng trước tiền bán và mua chứng khoán ký quỹ.
- Lĩnh vực đầu tư chứng khoán, góp vốn, lưu ký chứng khoán và các lĩnh vực khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của hộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày tại Phụ lục số 01 từ trang 34 đến trang 36 đính kèm.

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.520.898.654	50.265.393.055	16.520.898.654	50.265.393.055
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	19.357.172.080	20.490.586.947	19.357.172.080	20.490.586.947
Phải thu khách hàng	119.355.087	542.978.636	119.355.087	542.978.636
Các khoản phải thu khác	2.297.140.053	2.129.847.461	2.412.838.153	2.129.847.461
Cộng	38.294.565.874	73.428.806.099	38.294.565.874	73.428.806.099
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	7.177.630.652	30.808.714.489	7.177.630.652	30.808.714.489
Các khoản phải trả khác	1.655.204.752	1.817.213.443	1.655.204.752	1.817.213.443
Cộng	8.832.835.404	32.625.927.932	8.832.835.404	32.625.927.932

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Lập ngày 28 tháng 02 năm 2012

Kế toán trưởng

Shumb

Dương Thu Hương

Tổng Giám đốc



Trương Quốc Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 01: Thông tin về hệ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Năm trước

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	9.310.643.781	1.065.109.839	244.454.545	282.739.649	6.048.220.943	16.951.168.757
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.310.643.781	1.065.109.839	244.454.545	282.739.649	6.048.220.943	16.951.168.757
Chi phí bộ phận	9.588.618.710	2.459.275.441	690.593.969	478.533.251	-	13.217.021.371
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(277.974.929)	(1.394.165.602)	(446.139.424)	(195.793.602)	-	3.734.147.386
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	6.048.220.943	(5.823.799.196)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	-	(2.089.651.810)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	53.430.680
Chi phí khác	-	-	-	-	-	(253.185.073)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	(2.289.406.203)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	-	-	5.552.741.108
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-	-	2.882.016.781
Tổng giá trị các khoản chi phí lên không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-	-

Kế toán trưởng

Huong

Dương Thu Hương

Lập, ngày 28 tháng 12 năm 2012



Trương Quốc Hùng

THỦ ĐỨC
CÔNG TY
CHỨNG KHOÁN
HÀ NỘI
- TP. HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOAN THỦ ĐỒ

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 01: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

					Đơn vị tính: VND	
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:						
	Môi giới chứng khoán	Đầu tư chứng khoán, góp vốn	Tư vấn đầu tư chứng khoán	Lưu ký chứng khoán	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm						
Tài sản trực tiếp của bộ	13.912.803.553	2.871.595.717	1.657.260.284	2.828.671.367	23.414.869.346	44.685.200.267
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản						44.685.200.267
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	3.379.009.106	697.425.795	402.499.580	687.000.738	5.686.780.270	10.852.715.490
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả						10.852.715.490
Số đầu năm						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	45.831.323.664	5.242.966.536	1.203.319.087	1.391.776.194	29.772.159.493	83.441.544.974
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản						83.441.544.974
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	19.274.642.323	2.204.961.511	506.063.171	585.319.956	12.520.863.015	35.091.849.976
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả						35.091.849.976

Kế toán trưởng

Huong

Dương Thu Hương

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2012



Trương Quốc Hùng